

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/3/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bình.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuyền, Kiểm sát viên.

Hội 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/HPT-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện TG, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: anh Tr, sinh năm 2000.

Địa chỉ: tổ dân G, thị Pr, huyện ĐG, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2024, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TG, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị T ở thôn N, xã L, huyện TG, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị không hợp nhau. Anh Tr hay xúc phạm và bạo lực gia đình đối với chị T. Như, đánh đập, chửi mắng, đập điện thoại và có những lời lẽ xúc phạm chị T và gia đình cha mẹ chị. Chị đã cho anh Tr cơ hội rất nhiều để sửa đổi, nhưng anh Tr vẫn không thay đổi nên chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với

nhau được nữa. Trước đây, anh Tr cũng đã từng ly hôn 01 lần với người vợ khác cũng vì bạo lực gia đình.

Nay chị T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, tình cảm cũng hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại chị và anh Tr không còn sống chung với nhau nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Th, sinh ngày 25/11/2023. Ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh Tr trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Tr và chị T đến với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện TG, tỉnh Quảng Nam vào ngày 22/01/2024, theo Giấy kết hôn số: 02/2024.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở nhà vợ tại xã L, huyện TG sinh sống. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh, chị không hợp tính nhau nên thường xuyên cãi vã. Việc để mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bản thân anh Tr cũng có sai là đã cãi lộn với vợ. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì mẹ vợ, em gái vợ cũng có nhắc nhở không nên cãi nhau mà nên nhường nhịn nhau. Tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bản thân anh không muốn ly hôn, mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 08 tháng 11 năm 2024, anh Tr xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Th, sinh ngày 25/11/2023. Ly hôn, anh Tr có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: không yêu cầu giải quyết.

Qua xác minh tại UBND thị trấn Pao, huyện Đông Giang; UBND xã L, huyện TG; Trưởng thôn Nal, xã Lăng cho thấy chị T và anh Tr sau khi kết hôn thì cả hai sinh sống ở nhà cha mẹ chị T tại thôn N, xã L, huyện TG, Quảng Nam nhưng ít khi có mặt tại địa phương. Chị T là giáo viên tiểu học dạy học tại huyện TM. Còn anh Tr thường xuyên đi làm phụ hồ xa. Trong quá trình chung sống vợ chồng thì địa phương nắm được thông tin là hai vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì UBND xã Lăng chưa nắm được, UBND thị trấn Pao cho rằng anh Tr hay bạo lực gia đình. Do không thể sống chung với nhau nên anh Tr đã về sống tại nhà cha mẹ ruột ở tổ dân G, thị Pr, huyện ĐG cho đến nay.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70 (trừ khoản 15) và Điều 72 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Trong quá trình xét xử vụ án anh Tr không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 15 Điều 70 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Tr vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Tr.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Th, sinh ngày 25/11/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T và anh Tr không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tr, được nuôi 01 con chung. Anh Tr có nơi cư trú tại huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị T và anh Tr kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lăng vào ngày 22/01/2024, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị T, anh Tr và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T và anh Tr không hợp nhau. Anh Tr có hành vi xúc phạm và bạo lực gia đình đối với chị T.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh Tr bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần để chị T và anh Tr đoàn tụ với nhau nhưng giữa chị T và anh Tr không thống nhất đoàn tụ. Tại phiên hòa giải lần thứ hai ngày 08/11/2024, chị T và anh Tr đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Tr theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh Tr có 01 con chung là Th, sinh ngày 25/11/2023. Ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng. Anh Tr cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị Thuỷ cấp dưỡng.

Xét thấy, cháu Th sinh ngày 25/11/2023, tính đến ngày xét xử mới được 15 tháng 11 ngày, cháu Thịnh còn quá nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và lâu nay cháu Thịnh thường xuyên sống với chị T. Chị T là giáo viên đã vào biên chế công tác tại Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học xã Trà Đơn, TM có thu nhập hằng tháng ổn định (trên 15.000.000 đồng), có điều kiện chăm sóc con chung. Anh Tr không có việc làm ổn định, thường xuyên đi làm ăn xa. Do đó nếu giao con cho anh Tr nuôi sẽ không đảm bảo quyền lợi và phát triển bình thường của con. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Chị T và anh Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, khi có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Chị T là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên chị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Tr.
2. Về con chung: Có 01 con chung. Giao con chung Th sinh ngày 25/11/2023 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.
Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T và anh Tr không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/3/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND xã Lăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mạc Văn Hình